TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAIĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **952**/2026/QĐST-HNGĐ*Đồng N, ngày 15 năm 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1310/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:**

1/ Ông Nguyễn Hữu Duy P, sinh năm 1997.

2/ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Tổ F, khu phố T, phường T, thành phố Đ (địa chỉ cũ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông P, bà H tìm hiểu, chung sống tự nguyện và có đăng kí kết hôn vào ngày 15/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông P, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông P, bà H có hai con chung tên Nguyễn Hữu Gia L, sinh ngày 17/01/2022 và Nguyễn Hà Gia A, sinh ngày 08/03/2025. Ly hôn, ông P, bà H thỏa thuận giao hai con chung cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con chung 1.500.000 đồng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Ông P, bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông P, bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông P, bà H phải nộp lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu Duy P và bà Nguyễn Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Hữu Gia L, sinh ngày 17/01/2022 và Nguyễn Hà Gia A, sinh ngày 08/03/2025 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ông P phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 1.500.000 đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi, có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông P, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông P, bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Hữu Duy P và bà Nguyễn Thị Thu H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí ông P, bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0011777 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông P, bà H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thúy